TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **56**/2022/DS-ST
Ngày: 12-8-2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam
2. Bà Mai Thị Nhặc

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nhật Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 114/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Võ Thuận Nh, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp RN, xã TH, huyện VL, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Nhật Long H, sinh năm 1978; Địa chỉ: ***C, HV, phường *, thành phố B, tỉnh Bến Tre, theo văn bản ủy quyền đề ngày 07/6/2022, có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 11/8/2022.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị M, sinh năm 1971; Địa chỉ: Ấp AB, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre, vắng mặt không lý do lần 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/5/2022 của nguyên đơn Võ Thuận Nh, bản tự khai và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án; đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Nhật Long H trình bày:

Anh Võ Thuận Nh và bà Phạm Thị M có giao dịch mua bán dừa khoảng 02 năm nay. Do làm ăn lâu ngày quen biết nên việc mua bán qua lại không có làm hóa đơn. Anh Nh mua dừa của các chủ vườn ở Vĩnh Long sau đó vận chuyển qua huyện M để bán lại cho bà M. Khi thỏa thuận mua bán anh Nh có cho bà M gói đầu một đến hai ghe dừa (một ghe dừa khoảng 11 thiên dừa, quy ra thành tiền khoảng 130.000.000 đồng/01 ghe). Sau nhiều lần giao dịch mua bán số tiền gói đầu cho bà Mên ngày càng nhiều lên đến 211.000.000 (Hai trăm mười một triệu) đồng.

Đến thời điểm hiện tại, bà M còn thiếu của anh Nh 211.000.000 (Hai trăm mười một triệu) đồng. Anh Nh đã nhiều lần yêu cầu bà M trả cho anh Nh khoản nợ trên nhưng bà M có viết giấy biên nhận nợ. Bà M hứa sẽ trả cho anh Nh mỗi tháng 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng, thời gian bắt đầu trả vào ngày 25/01/2022 cho đến khi hết nợ. Nhưng từ ngày bà M viết giấy nợ đến nay vẫn chưa trả cho anh Nh. Anh Nh nhiều lần gọi điện thoại và đến nhà gặp bà M để yêu cầu bà M trả cho anh Nh khoản nợ trên, nhưng bà M cứ hứa hẹn mà không trả. Do nhu cầu làm ăn anh Nh cần vốn để xoay vòng, thế nhưng bà M cứ hứa hẹn không trả làm ảnh hưởng rất lớn đến việc làm ăn của anh Nh.

Tại đơn khởi kiện, anh Nh yêu cầu bà M có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 211.000.000 (Hai trăm mười một triệu) đồng và không yêu cầu tính lãi. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà M có trả cho anh Nh được 11.000.000 (Mười một triệu) đồng nên hiện còn nợ lại 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng. Vì vậy, nay anh Nh thay đổi yêu cầu khởi kiện so với đơn khởi kiện, anh Nh yêu cầu bà M có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng. Bà M đã có chồng nhưng việc mua bán là giữa anh và bà M nên không có liên quan đến chồng của bà M.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 14/6/2022 và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn bà Phạm Thị M trình bày:

Vào khoảng năm 2019, bà có hợp đồng mua bán dừa trái của anh Võ Thuận Nh, không có lập văn bản, thỏa thuận miệng. Các bên thỏa thuận là anh Nh giao dừa cho bà, bà trả tiền cho anh Nh bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, việc giao nhận tiền có khi trước khi nhận dừa, cũng có khi sau khi nhận dừa. Đến tháng 7/2021, do dịch bệnh mua bán khó khăn nên bà ngưng mua dừa của anh Nh và những chủ dừa khác. Tại thời điểm này, bà còn nợ lại anh Nh 650.000.000 (Sáu trăm năm mươi triệu) đồng. Sau đó, bà có trả dần và đến thời điểm viết "Giấy biên nhận" bà còn nợ anh Nh 211.000.000 (Hai trăm mười một triệu) đồng. "Giấy biên nhận" do anh Nh cung cấp cho Tòa án do bà tự viết, chữ ký của Phạm Thị M là do bà ký và viết. Ngày mùng 05/5/2022 (Âm lịch), bà có trả cho anh Nh được 11.500.000 (Mười một triệu năm trăm nghìn) đồng. Nay bà còn nợ lại anh Nh số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng và đồng ý hoàn trả số tiền này cho anh Nh. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà xin được trả dần mỗi tháng 10.000.000 (Mười triệu) đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là đảm bảo. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 92, 227, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 280, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thuận Nh; Buộc bà Phạm Thị M có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Võ Thuận Nh số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng; Ghi nhận anh Võ Thuận Nh không yêu cầu tính lãi đối với số tiền bà Phạm Thị M có nghĩa vụ hoàn trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 31/5/2022, anh Võ Thuận Nh có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị M phải có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Nh số tiền mua bán dừa 211.000.000 (Hai trăm mười một triệu) đồng và không yêu cầu tính lãi. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án cần phải giải quyết, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* được quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Theo xác nhận nơi cư trú ngày 31/5/2022 của Công an xã AT, huyện M xác định bị đơn bà Phạm Thị M có nơi cư trú tại ấp AB, xã AT, huyện M nên theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre. Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Đối với đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Nhật Long H có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 11/8/2022 nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H là phù hợp. Đối với bị đơn bà Phạm Thị M mặc dù đã được tống đạt hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do lần thứ hai nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà M là phù hợp.

[3] Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện so với đơn khởi kiện đề ngày 31/5/2022. Nay anh Võ Thuận Nh yêu cầu bà Phạm Thị M có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Nh số tiền vốn 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng

và không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu này là phù hợp theo quy định tại Khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[4] Nội dung vụ án: Nguyên đơn anh Võ Thuận Nh khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị M phải có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Nh số tiền mua bán dừa còn nợ 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất bà M hiện còn nợ anh Nh số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà M đồng ý hoàn trả số tiền vốn 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng cho anh Nh nhưng bà xin được trả dần mỗi tháng 10.000.000 (Mười triệu) đồng cho đến khi hết nợ do hoàn cảnh gia đình khó khăn. Xét thấy, bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với anh Nh và anh Nh yêu cầu bà M phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền này cho anh Nh, không đồng ý để bà M trả dần nên buộc bà M phải có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Nh số tiền vốn 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng là phù hợp.

[5] Đối với yêu cầu tính lãi: Ghi nhận anh Võ Thuận Nh không yêu cầu tính lãi đối với số tiền bà Phạm Thị M có nghĩa vụ hoàn trả.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền có nghĩa vụ hoàn trả: 200.000.000 đồng x 5% = 10.000.000 đồng.

[7] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam là phù hợp hoàn toàn với nhận định của Tòa nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 92, 227, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 280, 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thuận Nh.

Buộc bà Phạm Thị M có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Võ Thuận Nh số tiền vốn 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng.

Ghi nhận anh Võ Thuận Nh không yêu cầu tính lãi đối với số tiền bà Phạm Thị M có nghĩa vụ hoàn trả.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định

tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bà Phạm Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

Hoàn trả cho anh Võ Thuận Nh số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.275.000 (Năm triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số ******* ngày **/*/**** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Kim Sang